

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
VinaCapital Fund Management JSC

Số: 20240730/VCFM-BC-QTCT
No: 20240730/VCFM- BC-QTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024
Ho Chi Minh City, 30 July, 2024

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
Nửa đầu năm 2024 / The first half of 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
To: - The State Securities Commission;

- Tên công ty/Name of company: *Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital/ VinaCapital Fund Management JSC*
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: *Lầu 17, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, tp.HCM*
- Điện thoại/Telephone: *(84 - 28) 3827 8535 Fax: (84 - 28) 3827 8536*
- Vốn điều lệ/Charter capital: *110,000,000,000 (một trăm mười tỷ đồng) (one hundred and ten billion Vietnam Dong)*
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: *Đã thực hiện/ The implementation of internal audit: Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT/ No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision</i> No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
1	01/2024/QĐ-ĐHĐCĐ	25/4/2024	Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên

II. Hội đồng quản trị / Board of Directors: Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)*Information about the members of the Board of Directors:*

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1	Ho An T	Cố Chủ tịch HĐQT	23/04/2021	07/06/2024
2	Brook Colin Taylor	TV.HĐQT	23/04/2021	
3	Nguyễn Hoài Thu	Chủ tịch HĐQT	03/12/2020 (bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị) 07/06/2024 (bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị)	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ho An T	1	50%	Từ Trần
2	Brook Colin Taylor	2	100%	n/a
3	Nguyễn Hoài Thu	2	100%	n/a

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors: Không/nil
4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): Không/nil
5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị /Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày/ <i>Date</i>	Nội dung/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
1	20240313/QĐ-HĐQT	13/03/2024	Hợp định kỳ Q1/2024	100%
2	20240607/QĐ-HĐQT	07/06/2024	Thông báo ông Ho An T – Chủ tịch HĐQT đột ngột qua đời vào ngày 06/06/2024; bà Nguyễn Hoài Thu được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 07/06/2024	100%

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

STT/ No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán/ <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>
1	Trần Thị Thuý Dương	Trưởng ban	29/4/2021	Cử nhân
2	Đinh Gia Ninh	Thành Viên	29/4/2021	Thạc Sĩ
3	Trương Hoài Nam	Thành Viên	29/4/2021	Cử nhân

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

STT/ No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán/ <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Trần Thị Thuý Dương	1	100%	100%	n/a

2	Đình Gia Ninh	1	100%	100%	n/a
3	Trương Hoài Nam	1	100%	100%	n/a

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee: không/nil*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers: không/nil*

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any): không/nil*

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

STT/ No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>/Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Brook Colin Taylor		Thạc Sĩ	Bổ Nhiệm làm Tổng Giám Đốc Ngày 22/04/2021

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

STT/ No.	Họ tên/ Name	Ngày tháng năm sinh <i>/Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Võ Hoàng Kiều Oanh		Cử Nhân	Bổ Nhiệm Ngày 01/05/2023

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Khóa đào tạo cho đội ngũ lãnh đạo kế thừa do Chuyên viên tư vấn của Arcadia thực hiện (Từ tháng 01 đến tháng 04 năm 2024).
- Đào tạo huấn luyện đặc biệt về quản lý, giao tiếp cho các nhân viên pháp lý do nhóm chuyên gia nhiều kinh nghiệm của Coach For Life thực hiện (Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2024).
- Các khóa đào tạo cập nhật cho nhân viên về ứng dụng công nghệ A.I trong công việc do đối tác Microsoft và Google thực hiện (Tháng 05/ 2024)
- Các buổi chia sẻ cho toàn thể nhân viên về tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng và xu hướng kinh tế thế giới do chuyên gia Kinh Tế thuộc phòng Nghiên cứu thực hiện (Tháng 03/ 2024).
- Tổ chức tạo điều kiện cho nhân viên tham dự khóa học để lấy chứng chỉ hành nghề chứng khoán (từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2024).
- Tổ chức các buổi tọa đàm về sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức của người lao động trong việc bảo vệ sức khỏe (tháng 01 và 06 năm 2024).

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (đến ngày 30/06/2024) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (the report of the 1st half year of 2024) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
Cá Nhân									
1	Ho An T		Chủ Tịch Hội đồng quản trị			15/03/2017	06/06/2024	Từ trần	Chủ Tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Hoài Thu		Chủ Tịch Hội đồng quản trị			03/12/2020			Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc Khối Đầu tư Chứng khoán
3	Brook Colin Taylor		Thành Viên Hội đồng quản trị / Tổng Giám Đốc/ Người đại diện theo pháp luật			15/03/2017			Thành Viên Hội đồng quản trị / Tổng Giám Đốc/ Người đại diện theo pháp luật

4	Hồ Thị Mỹ Diễm		Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ			03/09/2019			Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
5	Trần Thị Thuý Dương		Trưởng BKS			29/04/2021			Trưởng BKS
6	Đinh Gia Ninh		Thành viên BKS/Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ / Người được Ủy Quyền công bố thông tin			29/03/2019			Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ / Người được Ủy Quyền công bố thông tin
7	Trương Hoài Nam		Thành viên BKS/Nhân viên Kiểm soát nội bộ			23/08/2019			Nhân viên Kiểm soát nội bộ
8	Võ Hoàng Kiều Oanh		Kế toán trưởng			01/05/2023			Kế toán trưởng
Tổ chức									
1	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF)					01/04/2013			Quỹ do VinaCapital quản lý
2	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF)					01/07/2014			Quỹ do VinaCapital quản lý
3	Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF)					02/07/2019			Quỹ do VinaCapital quản lý
4	Quỹ ETF VinaCapital VN100					16/06/2020			Quỹ do VinaCapital quản lý

5	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF)					18/04/2017			Quỹ do VinaCapital quản lý
6	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF)					08/06/2021			Quỹ do VinaCapital quản lý
7	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF)					04/05/2023			Quỹ do VinaCapital quản lý
8	ASIA INVESTMENT & FINANCE LTD					12/04/2018			Cổ đông lớn
9	VINACAPITAL INVESTMENT MANAGEMENT LTD (BVI)					12/04/2018			Cổ đông lớn
10	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-VDEF)					24/06/2024			Quỹ do VinaCapital quản lý

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT / No	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm giao dịch với công ty/ Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
1	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL -VMEEF)	Quỹ do VinaCapital quản lý			19/3/2024	20240313/QĐ-HĐQT	400,000 CCQ	VinaCapital bán CCQ
					22/3/2024		1,170,000 CCQ	
					27/3/2024		1,130,000 CCQ	
2	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL -VDEF)	Quỹ do VinaCapital quản lý			28/6/2024	20240313/QĐ-HĐQT	4,000,000 CCQ	VinaCapital mua CCQ

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

STT / No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty Quản lý quỹ <i>Position at the Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ / Address	Tên công ty con, công ty do Công ty QLQ nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Thông tin giao dịch			Ghi chú <i>Note</i>
								Nội dung/ Content (Mua/Bán)	Số lượng / Quantity	Tổng giá trị giao dịch / Total value of transaction (VNĐ)	
1	Nguyễn Hoài Thu		Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc Khối Đầu tư Chứng khoán			VINACAPITAL-VDEF	28/6/2024	Mua VINACAPITAL-VDEF	100	1,000,000	
2	Đinh Gia Ninh		Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ / Người được Ủy Quyền công bố thông tin /Thành Viên Ban Kiểm Soát			VINACAPITAL-VEOF	1/3/2024	Mua VINACAPITAL-VEOF	1,249.54	35,000,000	
						VINACAPITAL-VEOF	13/3/2024	Bán VINACAPITAL-VEOF	1,249.54	34,229,246	
						VINACAPITAL-VDEF	28/6/2024	Mua VINACAPITAL-VDEF	300	3,000,000	
3	Hồ Thị Mỹ Diễm		Trưởng Bộ Phận Kiểm toán nội bộ			VINACAPITAL-VFF	11/1/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	447,528.61	10,000,000,000	
						VINACAPITAL-VFF	16/1/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	669,644.35	15,000,000,000	
						VINACAPITAL-VFF	27/2/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	442,781.94	10,000,000,000	
						VINACAPITAL-VFF	29/2/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	885,280.48	20,000,000,000	

						VINACAPITAL-VFF	7/3/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	221,045.66	5,000,000,000	
						VINACAPITAL-VFF	7/3/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	574,718.74	13,000,000,000	
						VINACAPITAL-VFF	12/3/2024	Mua VINACAPITAL-VFF	530,208.16	12,000,000,000	
						VINACAPITAL-VDEF	28/6/2024	Mua VINACAPITAL-VDEF	1,000,100	10,001,000,000	
4	Trương Hoài Nam		Nhân viên Kiểm soát nội bộ			VINACAPITAL-VMEEF	6/2/2024	Bán - VINACAPITAL-VMEEF	100	1,212,723	
						VINACAPITAL-VDEF	28/6/2024	Mua VINACAPITAL-VDEF	100	1,000,000	
5	VinaCapital Vietnam Access Fund Limited		Tổ chức có liên quan			VINACAPITAL-VESAF	4/3/2024	Mua - VINACAPITAL-VESAF	149,139.26	4,220,000,000	
						VINACAPITAL-VESAF	23/4/2024	Mua - VINACAPITAL-VESAF	450,510.28	12,380,000,000	
						VINACAPITAL-VESAF	12/6/2024	Mua - VINACAPITAL-VESAF	128,763.82	4,035,000,000	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects.*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).* Không/nil

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).* Không/nil

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.* Không/nil

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ /Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

STT/ No.	Họ tên/ Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
1	Nguyễn Hoài Thu		Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc Khối Đầu tư Chứng khoán			không có	không có	
1.01	Nguyễn Việt Hùng					không có	không có	Bố đẻ
1.02	Nguyễn Hoàng Việt					không có	không có	Em ruột

1.03	Trần Hồ Quốc Minh					không có	không có	Chồng
1.04	Trần Minh Quân					không có	không có	Con trai
1.05	Trần Minh Sơn					không có	không có	Con trai
1.06	Trần Minh Lâm					không có	không có	Con trai
1.07	Trần Minh Khang					không có	không có	Con trai
1.08	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
1.09	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	

1.10	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.11	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.12	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.13	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.14	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.15	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
1.16	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-					không có	không có	

	VDEF) (Do VinaCapital quản lý)							
2	Brook Colin Taylor		Đại diện theo pháp luật/ Thành viên Hội đồng quản trị /Tổng Giám Đốc			không có	không có	
2.1	Rebecca Mary Taylor					không có	không có	Vợ
2.2	Emily Rebecca Taylor					không có	không có	Con ruột
2.3	Benjamin Brook Taylor					không có	không có	Con ruột
2.4	Nathan David Taylor					không có	không có	Con ruột
2.5	Colin George Taylor					không có	không có	Bố ruột
2.6	Barbara Lois Taylor					không có	không có	Mẹ ruột
2.7	Grant David Taylor					không có	không có	Em ruột
2.8	Charlotte Anne Rixon					không có	không có	Em dâu
2.9	Campbell John Taylor					không có	không có	Em ruột
2.10	Fiona Carolyn Taylor					không có	không có	Em dâu
2.11	Mary Louise Houston					không có	không có	Mẹ vợ
2.12	David James Houston					không có	không có	Bố vợ
2.13	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
2.14	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-					không có	không có	

	VFF) (Do VinaCapital quản lý)							
2.15	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.16	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.17	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.18	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.19	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.20	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	

2.21	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL- VDEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
2.22	CÔNG TY TNHH VINACAPITAL CORPORATE FINANCE VIỆT NAM					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.23	CÔNG TY TNHH VINACAPITAL REAL ESTATE					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.24	CÔNG TY TNHH TAM KHANG BÌNH ĐỊNH					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.25	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ HOÀNG PHÚC LONG					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.26	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN KHANG ĐẠT					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.27	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN CỬU LONG XANH					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.28	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN VIỆT - MỸ					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.29	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT ROOSTER					không có	không có	Người Đại diện pháp luật

2.30	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐẠI ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP VINA					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.31	CÔNG TY TNHH VINACAPITAL ASSET MANAGEMENT					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.32	CÔNG TY CỔ PHẦN VINACARBON HOLDINGS					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.33	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG LONG AN					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
2.34	Allwealth Worldwide Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.35	Belfort Worldwide Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.36	Clearfield Pacific Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.37	Clipper One Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.38	Clipper Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.39	Darasol Investments Limited					không có	không có	Giám Đốc

2.40	Goldcity Worldwide Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.41	Halley One Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.42	Halley Two Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.43	Halley Three Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.44	Halley Four Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.45	Halley Five Limited (Fka Vietnam Master Holding 1 Limited)					không có	không có	Giám Đốc
2.46	Hospira Holdings Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.47	Navia Holdings Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.48	Sharda Holdings Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.49	Tempel Four Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.50	Vietnam Master Holding 2 Limited					không có	không có	Giám Đốc

2.51	VinaSugar Holdings Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.52	PA Investment Opportunity II Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.53	Athena Energy Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.54	Bridgewell Investments Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.55	Buren Holding Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.56	Cosco Holding Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.57	Omnigold Group Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.58	Park Sky Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.59	Park Sky II Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.60	Portpholio Holdings Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.61	Transformational Holdings Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.62	Transwood Investments Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.63	Truman Holding Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.64	VinaCapital Investment Partners Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.65	VinaCapital Group Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.66	VCCF Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.67	VinaCapital Holdings Ltd					không có	không có	Giám Đốc

2.68	VinaCapital Partners Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.69	VinaCapital Strategic Investments Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.70	Crescent Asia Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.71	VinaCapital Hotel Investment Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.72	VinaLand Venture Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.73	Channel Media Enterprise Ltd (Fka VinaLand Venture 2 Ltd)					không có	không có	Giám Đốc
2.74	VinaCapital Infrastructure Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.75	VinaCapital Employee Equity Participation Ltd (fks Water Buck Investments Ltd)					không có	không có	Giám Đốc
2.76	VinaCapital Asset Management Partners Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.77	Gingerlily Management Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.78	Duofold Enterprises Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.79	Madrid Holdings (BVI) Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.80	Amandine Assets Limited					không có	không có	Giám Đốc

2.81	Prime Value Asia Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.82	Blue Coral Developments Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.83	Crystal Ace Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.84	Golden Joy Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.85	Bella Pacific Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.86	Manwell Global Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.87	Orient Spark Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.88	West Cove Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.89	Ocean Wealth Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.90	Coastal Bliss Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.91	Blossom Clover Limited					không có	không có	Giám Đốc

2.92	Lake Rise Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.93	Loft Summer Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.94	Yield Key Developments Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.95	Arkley Wealth Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.96	Festive Way Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.97	Peony Crest Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.98	Golden Rose Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.99	Olive Rise Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.100	Estrella Investments Ltd (Fka Asian Coast Development Ltd)					không có	không có	Giám Đốc
2.101	Asian Coast Development (Canada) Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.102	Aquila Ventures Limited					không có	không có	Giám Đốc
2.103	VinaCapital Investment Management Ltd					1.031.800	9,38%	Giám Đốc

2.104	Lodgis Investments Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.105	KHI Cambodia, Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.106	Hoiana Development Fund					không có	không có	Giám Đốc
2.107	Abbott Holding Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.108	Aldrin One Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.109	Aldrin Two Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.110	Aldrin Three Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.111	Crescent Bay Development Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.112	Chifley Investments Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.113	Fraser Investment Holdings Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.114	Gorton Investments Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.115	Hoiana Residences Pte. Ltd. (Fka Bellwest Development Pte. Ltd.)					không có	không có	Giám Đốc
2.116	Next Power Investment Pte. Ltd. (Fka Long Son Energy Development Pte. Ltd.)					không có	không có	Giám Đốc
2.117	Menzies Holding Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.118	MIC Development Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc

2.119	SkyX Energy Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.120	Turnbull Holding Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.121	Vietnam Opportunity Fund II Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.122	VinaCapital Pte. Ltd. (fka VCG Partners Pte. Ltd.)					không có	không có	Giám Đốc
2.123	VinaCapital GS Energy Pte. Ltd. (Fka Green Power Generation Pte. Ltd.)					không có	không có	Giám Đốc
2.124	VinaCapital Ventures Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.125	VinaCapital Infrastructure I Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.126	Hera Energy Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.127	ApolloX Energy Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.128	VinaCarbon Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.129	Lifestyle Project Management Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.130	Lotus Capital Holding Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.131	Lodgis Hospitality Holding Pte Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.132	Lodgis Servco Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.133	Vailen Investments Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.134	Indotel Limited					không có	không có	Giám Đốc

2.135	Sosegado Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.136	Golden Wealth Ventures Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.137	Meadow Loft Ventures Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.138	Glow 1 Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.139	Glow 2 Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.140	Glow 3 Pte. Ltd.					không có	không có	Giám Đốc
2.141	VinaCapital Venture Capital Ltd					không có	không có	Giám Đốc
2.142	THE VINACAPITAL FOUNDATION					không có	không có	Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ
3	Hồ Thị Mỹ Diễm		Trưởng Bộ Phận Kiểm toán nội bộ			không có	không có	
3.1	Cao Thị Mẫu Đơn					không có	không có	Mẹ đẻ
3.2	Hồ Leslie					không có	không có	Chị ruột
3.3	Hồ Valerie					không có	không có	Chị ruột
3.4	Hồ Ngọc Thủy					không có	không có	Anh ruột
3.5	Hồ Lưu					không có	không có	Anh ruột
3.6	Hồ Kim					không có	không có	Chị ruột
3.7	Hồ Dung					không có	không có	Chị ruột
3.8	Kenny Nguyen					không có	không có	Anh rể
3.9	Thomas Tu					không có	không có	Anh rể
3.10	Andy Nguyễn					không có	không có	Anh rể

3.11	Huỳnh Thị Kim Yến					không có	không có	Chị dâu
3.12	Thanh Trần					không có	không có	Chị dâu
3.13	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
3.14	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.15	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.16	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.17	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.18	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.19	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital					không có	không có	

	(VINACAPITAL- VLBF) (Do VinaCapital quản lý)							
3.20	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL- VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.21	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL- VDEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
3.22	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MỘC BÀI					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
3.23	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CỬU LONG XANH					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
3.24	CÔNG TY CỔ PHẦN VINA PHÚ MỸ					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
3.25	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VŨ VIỆT					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
3.26	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CỬU LONG XANH					không có	không có	Người Đại diện pháp luật
3.27	VinaCapital Employee Equity Participation Ltd					không có	không có	Giám Đốc
3.28	Hospitality Consulting Company Ltd					không có	không có	Giám Đốc

4	Đinh Gia Ninh		Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ / Người được Ủy Quyền công bố thông tin /Thành Viên Ban Kiểm Soát			không có	không có	
4.1	Đinh Gia Long					không có	không có	Bố đẻ
4.2	Lý Thị Kính					không có	không có	Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Thị Như Dung					không có	không có	Vợ
4.4	Đinh Phúc Thành					không có	không có	Con trai
4.5	Đinh Phồn Vinh					không có	không có	Em ruột
4.6	Nguyễn Thị Huyền Trang					không có	không có	Em dâu
4.7	Nguyễn Xuân Viên					không có	không có	Bố Vợ
4.8	Phạm Thị Tâm					không có	không có	Mẹ Vợ
4.9	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
4.1	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL- VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.2	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL- VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.3	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital					không có	không có	

	(VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)							
4.4	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.5	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.6	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.7	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
4.8	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-VDEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5	Trương Hoài Nam		Nhân viên Kiểm soát nội bộ/Nhân Viên Kiểm soát tuân thủ/Thành viên Ban Kiểm Soát			không có	không có	

5.1	Trương Văn Trọng					không có	không có	Bố đẻ
5.2	Võ Thị Bé Tư					không có	không có	Mẹ đẻ
5.3	Đàm Thị Mỹ Hằng					không có	không có	Vợ
5.4	Đàm Ngọc Quang					không có	không có	Bố vợ
5.5	Võ Thị Trúc Việt					không có	không có	Mẹ vợ
5.6	Trương Vĩnh Đạt					không có	không có	Con trai
5.7	Trương Khải Minh					không có	không có	Con trai
5.8	Trương Thị Ngọc Dung					không có	không có	Chị ruột
5.9	Nguyễn Văn Trường					không có	không có	Anh rể
5.10	Trương Thị Kim Dung					không có	không có	Chị ruột
5.11	Đặng Vinh Đức					không có	không có	Anh rể
5.12	Trương Hoàng Dân					không có	không có	Anh ruột
5.13	Trương Hoàng Việt					không có	không có	Em ruột
5.14	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
5.15	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	

5.16	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL- VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.17	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL- VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.18	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL- VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.19	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.2	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL- VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.21	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL- VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
5.22	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-					không có	không có	

	VDEF) (Do VinaCapital quản lý)							
6	Võ Hoàng Kiều Oanh		Kế Toán Trưởng			không có	không có	
6.1	Nguyễn Phước Bảo Quang					không có	không có	Chồng
6.2	Võ Thế Chí					không có	không có	Bố đẻ
6.3	Hán Thị Kiều Trang					không có	không có	Mẹ đẻ
6.4	Nguyễn Phước Quý Nguyên					không có	không có	Con trai
6.5	Nguyễn Phước Quý Thư					không có	không có	Con gái
6.6	Võ Hoàng Long					không có	không có	Anh Trai
6.7	Võ Hoàng Lân					không có	không có	Anh Trai
6.8	Nguyễn Thị Lệ Thủy					không có	không có	Mẹ chồng
6.9	Vĩnh Thọ					không có	không có	Bố chồng
6.10	Thiều Thị Tường Vi					không có	không có	Chị dâu
6.11	Nguyễn Thị Thúy					không có	không có	Chị dâu
6.12	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
6.13	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	

6.14	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.15	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.16	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.17	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.18	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.19	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
6.20	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-					không có	không có	

	VDEF) (Do VinaCapital quản lý)							
6.22	Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam					không có	không có	Kế Toán Trưởng
6.23	Công ty TNHH VinaCapital Real Estate					không có	không có	Kế Toán Trưởng
6.24	Công ty TNHH VinaCapital Asset Management					không có	không có	Kế Toán Trưởng
7	Trần Thị Thùy Dương		Trưởng Ban kiểm soát (Thành viên độc lập)			không có	không có	
7.1	Trần Quang Điện					không có	không có	Bố đẻ
7.2	Trần Thị Thoa					không có	không có	Mẹ đẻ
7.3	Trần Quang Đức					không có	không có	Em ruột
7.4	Nguyễn Cẩm Dương					không có	không có	Em dâu
7.5	Công ty TNHH Amadeus					không có	không có	Giám Đốc
7.6	Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital (VinaCapital)					không có	không có	
7.7	Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VFF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	

7.8	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (VINACAPITAL-VEOF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
7.9	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
7.10	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
7.11	Quỹ ETF VinaCapital VN100 (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
7.11	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (VINACAPITAL-VLBF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
8.11	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF) (Do VinaCapital quản lý)					không có	không có	
7.12	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VINACAPITAL-					không có	không có	

VDEF) (Do VinaCapital quản lý)							
-----------------------------------	--	--	--	--	--	--	--



2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

STT/ No.	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ/ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu/ Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ/ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu/ Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ/ Percentage</i>	
	Không/nil						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không/Nil

Nơi nhận:

- UBCK Nhà Nước

Recipients:

- Lưu: VinaCapital

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYỄN HOÀI THU